

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ
KIẾN THIẾT TP HỒ CHÍ MINH
(BỘ PHẬN XỔ SỐ + XÍ NGHIỆP IN)**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh tiền thân là Công ty Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh được chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300507182 ngày 31 tháng 05 năm 2010 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 26 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Theo Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 06 tháng 09 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết TP Hồ Chí Minh được chuyển đổi trở thành doanh nghiệp thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước để thực hiện thí điểm chức năng đại diện Chủ sở hữu vốn Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 23 Lê Duẩn, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Vinh	Thành viên
Bà Đào Hoài Bắc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Đào Hoài Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Công	Kế toán trưởng

Thành viên Ban Kiểm soát:

Bà Tô Thị Thanh Bạch	Kiểm soát viên
----------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Vinh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đang thực hiện đầu tư tài chính dài hạn được nêu tại Thuyết minh số 10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính là chưa phù hợp với quy định tại Điều 6, Thông tư số 01/2014/TT-BTC về qui định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Theo đó, Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Phạm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.864.425.706.310	1.860.475.255.729
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.534.289.470.209	1.546.342.943.172
111 1. Tiền		1.324.939.464.801	1.334.240.209.839
112 2. Các khoản tương đương tiền		209.350.005.408	212.102.733.333
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		307.974.466.363	299.709.202.387
131 1. Phải thu khách hàng		275.914.428.008	206.633.487.045
132 2. Trả trước cho người bán		27.807.166.512	80.287.199.889
135 5. Các khoản phải thu khác	4	11.280.745.843	12.788.515.453
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(7.027.874.000)	-
140 IV. Hàng tồn kho	5	21.596.769.738	14.188.510.170
141 1. Hàng tồn kho		21.596.769.738	14.188.510.170
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		565.000.000	234.600.000
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		39.600.000	-
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	6	525.400.000	234.600.000
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		434.167.457.681	303.288.126.679
220 II. Tài sản cố định		394.040.631.859	263.837.293.729
221 1. Tài sản cố định hữu hình	7	27.515.699.598	30.606.454.438
222 - Nguyên giá		79.344.616.771	77.242.796.953
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(51.828.917.173)	(46.636.342.515)
227 3. Tài sản cố định vô hình	8	824.801.014	633.579.294
228 - Nguyên giá		4.517.099.716	3.821.979.716
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.692.298.702)	(3.188.400.422)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	365.700.131.247	232.597.259.997
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	39.440.832.950	39.440.832.950
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		8.424.992.950	8.424.992.950
258 3. Đầu tư dài hạn khác		31.015.840.000	31.015.840.000
260 V. Tài sản dài hạn khác		685.992.872	10.000.000
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	675.992.872	-
268 3. Tài sản dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.298.593.163.991	2.163.763.382.408

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		989.349.163.991	709.735.873.511
310 I. Nợ ngắn hạn		946.104.401.517	670.038.912.077
312 2. Phải trả người bán		39.030.478.294	28.395.116.188
313 3. Người mua trả tiền trước	12	77.352.023.700	38.747.285.700
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	537.674.462.243	308.759.140.786
315 5. Phải trả người lao động		10.770.711.412	11.676.396.788
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	11.455.112.459	11.962.206.648
321 11. Dự phòng rủi ro trả thưởng	15	258.298.967.500	258.298.967.500
323 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.522.645.909	12.199.798.467
330 II. Nợ dài hạn		43.244.762.474	39.696.961.434
333 3. Phải trả dài hạn khác	16	3.547.801.040	-
339 9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	17	39.696.961.434	39.696.961.434
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.309.244.000.000	1.454.027.508.897
410 I. Vốn chủ sở hữu	18	1.309.244.000.000	1.454.027.508.897
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		783.504.000.000	783.504.000.000
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		525.740.000.000	474.785.843.920
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		-	195.737.664.977
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.298.593.163.991	2.163.763.382.408

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		5.949.841.806	1.101.768.955
5. Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng		1.581.612.143	1.121.440.505
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		281.260.075.440	208.410.749.785
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		88.790.000.000	43.842.000.000

Người lập biểu



Hà Hoài Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Công

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	1. Doanh thu	19	5.079.703.771.000	4.766.865.646.943
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		5.005.976.700.000	4.696.344.863.637
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		73.727.071.000	70.520.783.306
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	652.953.482.608	612.566.721.345
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		652.953.482.608	612.566.721.345
10	3. Doanh thu thuần		4.426.750.288.392	4.154.298.925.598
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		4.353.023.217.392	4.083.778.142.292
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		73.727.071.000	70.520.783.306
11	4. Chi phí kinh doanh	21	3.555.271.340.220	3.441.388.362.943
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		3.495.823.214.748	3.382.467.182.553
11.2	4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		59.448.125.472	58.921.180.390
20	5. Lợi nhuận gộp		871.478.948.172	712.910.562.655
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		857.200.002.644	701.310.959.739
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		14.278.945.528	11.599.602.916
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	20.439.128.257	31.388.375.403
24	8. Chi phí bán hàng		1.983.883.261	1.399.341.740
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	79.695.004.413	101.554.307.130
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		810.239.188.755	641.345.289.188
31	11. Thu nhập khác		2.335.581.142	4.098.100.902
32	12. Chi phí khác		823.681.048	647.815.385
40	13. Lợi nhuận khác		1.511.900.094	3.450.285.517
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		811.751.088.849	644.795.574.705
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		178.577.222.075	161.183.352.031
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		633.173.866.774	483.612.222.674

Người lập biểu

Hà Hoài Nam

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Công

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	5.558.095.456.487	5.256.236.704.941
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(3.572.782.510.808)	(3.437.251.901.881)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(54.229.231.430)	(50.505.984.685)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(142.392.994.901)	(175.448.766.200)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	183.934.599.293	185.187.921.454
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (i)	(1.918.163.974.594)	(1.631.200.539.550)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	54.461.344.047	147.017.434.079
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(87.768.878.267)	(162.965.488.651)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	12.500.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	246.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(5.941.150.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21.254.061.257	32.290.127.403
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(66.514.817.010)	109.395.988.752
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(12.053.472.963)	256.413.422.831
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.546.342.943.172	1.289.929.520.341
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 1.534.289.470.209	1.546.342.943.172

- (i) Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh năm 2014 bao gồm phần chi nộp lợi nhuận sau thuế còn lại vào Ngân sách Nhà nước sau khi đã phân phối lợi nhuận theo quy định số tiền 651.068.538.735 VND, chi trả tiền thuế tiêu thụ đặc biệt số tiền 576.689.129.549 VND, thuế thu nhập cá nhân của người trúng thưởng số tiền 136.529.460.000 VND, thuế thu nhập cá nhân của các đại lý bán vé xổ số số tiền 41.266.850.325 VND và các khoản chi khác.

Người lập biểu



Hà Hoài Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Công

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh tiền thân là Công ty Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh được chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300507182 ngày 31 tháng 05 năm 2010 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 26 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Theo Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 06 tháng 09 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết TP Hồ Chí Minh được chuyển đổi trở thành doanh nghiệp thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP Hồ Chí Minh để thực hiện thí điểm chức năng đại diện Chủ sở hữu vốn Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 23 Lê Duẩn, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ của Công ty là 783.504.000.000 VND.

Công ty bao gồm Bộ phận Xổ số và Xí nghiệp In tài chính.

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 4 ngày 26/11/2013 là:

- Xổ số kiến thiết;
- In lịch ảnh cao cấp, biểu mẫu, hóa đơn, chứng từ, vé xổ số kiến thiết và các ấn phẩm khác của ngành tài chính; In trên bao bì (không hoạt động tại Trụ sở Công ty);
- Mua bán nguyên vật liệu ngành in và xổ số; Mua bán giấy các loại;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành in và xổ số;
- Sản xuất giấy các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại Trụ sở Công ty);
- Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại Trụ sở Công ty);
- Nhà hàng ăn uống (không kinh doanh nhà hàng tại Trụ sở Công ty);
- Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp - khu dân cư;
- Thi công xây dựng công trình dân dụng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Xí nghiệp In tài chính và tại Văn phòng Công ty (Bộ phận Xổ số).

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền ngoại trừ vé xỏ số tại văn phòng Công ty thực hiện theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	04 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đối với công trình xây dựng cơ bản dở dang, chi phí đầu tư được ghi nhận theo giá trị nghiệm thu khối lượng hoàn thành từng giai đoạn giữa chủ đầu tư và nhà thầu sau khi đã có báo cáo tư vấn của kiểm toán độc lập.

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%; xổ số cao, bốc biết kết quả ngay là 55%; đối với xổ số Lô tô là 60%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính và thường chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số truyền thống, xổ số Lô tô, xổ số cao biết kết quả ngay và xổ số bốc biết kết quả ngay.

Mức trích lập được xác định như sau: $DPtt = DT \times TLkh - TTtt$

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu kinh doanh xổ số

Doanh thu bán vé xổ số được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện tương tự như doanh thu bán hàng. Tuy nhiên, do đặc thù của nghiệp vụ kinh doanh xổ số, chi phí trả thưởng được ghi nhận theo thời điểm thực chi, do thời gian có hiệu lực của vé trúng giải tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày mở thưởng nên chi phí trả thưởng có thể được ghi nhận vào kỳ kế toán tiếp theo không cùng với kỳ ghi nhận doanh thu. Trước thời điểm mở thưởng 30 phút, Công ty thực hiện chốt số lượng vé ể do các đại lý trả về và ghi nhận doanh thu tương ứng với lượng vé xổ số thực bán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	13.257.794.588	6.606.850.850
Tiền gửi ngân hàng	1.311.681.670.213	1.327.633.358.989
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	209.350.005.408	212.102.733.333
	<u>1.534.289.470.209</u>	<u>1.546.342.943.172</u>

(i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu tiền nhượng bán lại giấy in kém phẩm chất	7.027.874.000	7.677.874.000
Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	294.383.000	1.109.316.000
Phải thu thuế TNCN của các đại lý vé số	3.609.985.803	3.490.765.353
Phải thu thuế TNCN của công nhân viên	348.503.040	486.200.270
Các khoản khác	-	24.359.830
	<u>11.280.745.843</u>	<u>12.788.515.453</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.903.629.481	7.424.669.666
Công cụ, dụng cụ	71.983.669	225.414.104
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.366.056.588	5.519.266.400
Hàng gửi đi bán	506.546.950	248.233.404
Vé xổ số	748.553.050	770.926.596
	<u>21.596.769.738</u>	<u>14.188.510.170</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	525.400.000	234.600.000
	<u>525.400.000</u>	<u>234.600.000</u>

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	3.821.979.716	3.821.979.716
Số tăng trong năm	695.120.000	695.120.000
- Mua TSCĐ trong năm	695.120.000	695.120.000
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>4.517.099.716</u>	<u>4.517.099.716</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	3.188.400.422	3.188.400.422
Số tăng trong năm	503.898.280	503.898.280
- Khấu hao TSCĐ trong năm	503.898.280	503.898.280
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>3.692.298.702</u>	<u>3.692.298.702</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	633.579.294	633.579.294
Tại ngày cuối năm	<u>824.801.014</u>	<u>824.801.014</u>

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	358.320.131.247	225.217.259.997
- Công trình Trụ sở Công ty (i)	269.758.104.715	145.462.854.570
- Công trình Xí nghiệp In tài chính (ii)	88.562.026.532	79.754.405.427
Mua sắm TSCĐ	7.380.000.000	7.380.000.000
- Mua sắm hệ thống máy quay thường mới (i)	7.380.000.000	7.380.000.000
	<u>365.700.131.247</u>	<u>232.597.259.997</u>

(i) Dự án "Công trình Xây dựng trụ sở làm việc - Bộ phận Xổ số" được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 21/QĐ-SXD-TĐDA ngày 09/02/2010 của Sở Xây Dựng với tổng mức đầu tư là 353.855.487.000 VND. Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý 1/2015.

(ii) Dự án "Công trình Xây dựng trụ sở làm việc - Xí nghiệp in Tài chính" được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 60c/XSKT-QĐ ngày 27/10/2011 của Công Ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết với tổng mức đầu tư là 122.969.750.514 VND. Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng bắt đầu từ ngày 01/01/2015.

(iii) Hệ thống máy quay thường dùng để thay thế hệ thống máy quay thường cũ sẽ được lắp đặt tại trụ sở làm việc mới khi công trình xây dựng trụ sở hoàn thành đưa vào sử dụng.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.424.992.950	8.424.992.950
- Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thương mại Phú Thọ (i)	8.424.992.950	8.424.992.950
Đầu tư dài hạn khác	31.015.840.000	31.015.840.000
- Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp - Đô thị Hóc Môn (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (iii)	1.015.840.000	1.015.840.000
	39.440.832.950	39.440.832.950

(i) Thực hiện thông báo số 114/TB-VP ngày 02/03/2012 của Văn phòng UBND thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV cùng Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết thành phố tham gia đầu tư dự án xây dựng kinh doanh Khách sạn 4 sao Sài Gòn - Phú Thọ. Hình thức đầu tư bằng cách chuyển phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thương mại Phú Thọ sang cho 02 Công ty trên mỗi bên nắm giữ 28,29%, tương ứng là 2.483.842.950 VND. Dự án Khách sạn 4 sao Sài Gòn - Phú Thọ có tổng mức đầu tư dự toán là 218.800.000.000 VND, trong đó sử dụng vốn góp của chủ sở hữu là 140.000.000.000 VND và được chia thành 04 lần góp vốn theo tỷ lệ của mỗi chủ sở hữu. Trong năm 2013 đã thực hiện góp vốn lần đầu tiên với tổng số tiền là 21.000.000.000 VND, tương ứng phần vốn góp của Công ty Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh là 5.941.150.000 VND. Tổng giá trị đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thương mại Phú Thọ lũy kế đến 31/12/2014 là 8.424.992.950 VND.

(ii) Theo Công văn số 171/XSKT ngày 31/10/2008 và Quyết định số 32/XSKT-QĐ ngày 03/11/2008, Công ty Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh thống nhất tham gia làm cổ đông sáng lập của Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn với số vốn góp là 30.000.00.000 VND, tương ứng với 10% vốn điều lệ đăng ký của Công ty này. Mục đích góp vốn để đầu tư dự án "Xây dựng Khu công nghiệp - dân cư tại xã Bà Điểm và xã Xuân Thới Thượng - huyện Hóc Môn". Khi đi vào đầu tư thực tế, Dự án đã không tiếp tục được triển khai như phương án ban đầu. Đến ngày 20/11/2012, Công ty đã thực hiện gửi Công văn số 604/XSKT đến Hội đồng Quản trị của Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp Đô thị Hóc Môn đề nghị được chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho Công ty CP Bất động sản EXim theo giá chuyển nhượng bằng với vốn góp ban đầu. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại thì thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp vẫn chưa được thiết lập.

(iii) Chi tiết đầu tư chứng khoán dài hạn:

	12/31/2014		12/31/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - Mã chứng khoán SGB	104.123	1.015.840.000	104.123	1.015.840.000
	104.123	1.015.840.000	104.123	1.015.840.000

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	1.351.985.745	-
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(675.992.873)	-
Số dư cuối năm	675.992.872	-
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	675.992.872	-
	675.992.872	-

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đại lý ứng trước tiền cho số vé của các kỳ mở thưởng đầu năm sau mà đại lý đã nhận từ Công ty để bán	77.247.300.000	38.142.540.000
Tiền vé ế đại lý trả lại nhưng chưa nhận tiền	92.315.700	604.745.700
Khách hàng đặt in vé của Xí nghiệp trả trước	12.408.000	-
	<u>77.352.023.700</u>	<u>38.747.285.700</u>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	42.882.382.697	41.063.133.502
Thuế tiêu thụ đặc biệt	57.074.543.478	55.189.599.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.697.209.296	24.512.982.122
Phải nộp Ngân sách lợi nhuận còn lại	360.216.053.977	170.986.721.542
Thuế thu nhập cá nhân	355.905.240	501.266.070
Thuế TNCN của các đại lý	12.950.529.610	12.872.880.760
Thuế TNCN của người trúng thưởng	3.497.837.945	3.632.557.185
	<u>537.674.462.243</u>	<u>308.759.140.786</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	43.032.391	252.577.762
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.412.080.068	11.709.628.886
- Phải trả Công ty CP Đầu tư KCN Đô thị Hóc Môn (i)	10.589.647.717	10.589.647.717
- Giá trị còn lại của TSCĐ chờ bàn giao (ii)	673.235.529	673.235.529
- Kinh phí đóng góp hoạt động xổ số kiến thiết KV miền Nam	128.196.822	400.995.640
- Khác	21.000.000	45.750.000
	<u>11.455.112.459</u>	<u>11.962.206.648</u>

(i) Công ty thực hiện góp vốn thành lập công ty để đầu tư dự án xây dựng cụm công nghiệp - dân cư xã Bà Điểm và xã Xuân Thới Thượng - huyện Hóc Môn, tuy nhiên do dự án chưa thực hiện được nên Công ty đã thỏa thuận với Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Đô thị Hóc Môn để mượn lại một phần vốn góp không tính lãi suất với số tiền là 10.589.647.717 VND.

(ii) Xem thêm chi tiết tại Phụ lục 01 - Tài sản cố định hữu hình.

15 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Dự phòng rủi ro trả thường đầu năm	258.298.967.500	248.121.925.000
Trích lập bổ sung trong năm	-	10.177.042.500
Sử dụng dự phòng để trả thường trong năm	-	-
Dự phòng rủi ro trả thường cuối năm	<u>258.298.967.500</u>	<u>258.298.967.500</u>

16 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.547.801.040	-
	<u>3.547.801.040</u>	<u>-</u>

17 . QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích năm 2013	39.696.961.434	39.696.961.434
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	-	-
	<u>39.696.961.434</u>	<u>39.696.961.434</u>

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 2.

Phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	633.173.866.774
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	300.157.905
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	12.230.952.000
Trích Quỹ Khen thưởng Ban điều hành	321.750.000
Thu tài chính sau thuế còn lại phải nộp về Ngân sách	620.321.006.869

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và được đại diện bởi Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP Hồ Chí Minh (HFIC).

19 . DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xổ số	5.005.976.700.000	4.696.344.863.637
- <i>Xổ số truyền thống</i>	5.005.976.700.000	4.696.344.863.637
Doanh thu in vé xổ số, hóa đơn, vé xe, ..	73.727.071.000	70.520.783.306
	5.079.703.771.000	4.766.865.646.943

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế TTĐB của Xổ số truyền thống	652.953.482.608	612.566.721.345
	652.953.482.608	612.566.721.345

21 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	3.495.823.214.748	3.382.467.182.553
- <i>Chi phí trả thưởng</i>	2.624.804.200.000	2.533.834.500.000
- <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)</i>	871.019.014.748	828.632.682.553
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	59.448.125.472	58.921.180.390
	3.555.271.340.220	3.441.388.362.943

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
1. Chi phí cho các đại lý	827.715.798.700	776.515.635.900
1.1. <i>Hoa hồng đại lý bán vé</i>	825.986.155.500	774.896.902.500
1.2. <i>Chi phí ủy quyền trả thưởng</i>	1.729.643.200	1.618.733.400
2. Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	1.236.543.896	1.121.177.273
3. Chi phí chống số đề	120.000.000	165.000.000
4. Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	-	10.177.042.500
5. Chi phí về vé xổ số	34.697.175.104	34.932.140.738
5.1. <i>Giấy in vé xổ số</i>	20.033.175.104	20.864.940.738
5.2. <i>Chi phí gia công vé xổ số</i>	14.664.000.000	14.067.200.000
6. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.479.636.363	1.451.272.727
7. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT Khu vực	20.000.000	20.000.000
8. Chi phí tuyên truyền quảng cáo, khấu hao tài sản	5.749.860.685	4.250.413.415
	871.019.014.748	828.632.682.553

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	20.402.685.207	31.326.208.822
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.443.050	62.166.581
	<u>20.439.128.257</u>	<u>31.388.375.403</u>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	7.246.494.815	3.902.890.651
Chi phí lương, bảo hiểm, ăn trưa	40.129.245.875	37.578.276.228
Chi phí sửa chữa, bảo trì	1.184.451.913	714.057.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.981.246.965	2.900.031.702
Thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất	5.945.919.000	2.390.945.250
Trích lập Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ	-	39.696.961.434
Chi phí dự phòng	7.027.874.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.162.037.326	1.719.364.513
Chi phí khác bằng tiền	14.017.734.519	12.651.779.725
	<u>79.695.004.413</u>	<u>101.554.307.130</u>

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Cung cấp thông tin kết quả xổ số	-	1.323.636.364
Bán nguyên vật liệu giấy, giấy vụn, giấy phế liệu	1.320.238.564	1.891.363.222
Dịch vụ cho thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng, điện, nước,	798.689.960	712.384.110
Thu nhập do vé trúng trùng nhưng không nhận	200.080.000	72.990.000
Bán hồ sơ mời thầu	9.999.990	66.363.570
Thanh lý tài sản cố định	-	11.363.636
Khác	6.572.628	20.000.000
	<u>2.335.581.142</u>	<u>4.098.100.902</u>

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tiền điện thi công công trình	319.843.093	98.535.210
Tiền nước thi công công trình	487.046.547	9.602.670
Chi phí nhượng bán nguyên vật liệu	16.791.408	536.135.687
Chi phí thanh lý tài sản cố định		3.541.818
	<u>823.681.048</u>	<u>647.815.385</u>

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	811.751.088.849	644.795.574.705
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(36.443.050)	(62.166.581)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(36.443.050)	(62.166.581)
Thu nhập chịu thuế TNDN	811.714.645.799	644.733.408.124
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>178.577.222.075</u>	<u>161.183.352.031</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	24.512.982.122	38.778.396.291
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(142.392.994.901)	(175.448.766.200)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>60.697.209.296</u>	<u>24.512.982.122</u>

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.534.289.470.209	-	1.546.342.943.172	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	287.195.173.851	(7.027.874.000)	219.422.002.498	-
	<u>1.821.484.644.060</u>	<u>(7.027.874.000)</u>	<u>1.765.764.945.670</u>	<u>-</u>
Giá trị sổ kế toán				
	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			54.033.391.793	40.357.322.836
			<u>54.033.391.793</u>	<u>40.357.322.836</u>

Do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014		
Tiền và tương đương tiền	1.534.289.470.209	1.534.289.470.209
Phải thu khách hàng, phải thu khác	280.167.299.851	280.167.299.851
	<u>1.814.456.770.060</u>	<u>1.814.456.770.060</u>
Tại ngày 01/01/2014		
Tiền và tương đương tiền	1.546.342.943.172	1.546.342.943.172
Phải thu khách hàng, phải thu khác	219.422.002.498	219.422.002.498
	<u>1.765.764.945.670</u>	<u>1.765.764.945.670</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014		
Phải trả người bán, phải trả khác	54.033.391.793	54.033.391.793
	<u>54.033.391.793</u>	<u>54.033.391.793</u>
Tại ngày 01/01/2014		
Phải trả người bán, phải trả khác	40.357.322.836	40.357.322.836
	<u>40.357.322.836</u>	<u>40.357.322.836</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Trong quý 1/2015, Công ty đã bàn giao trụ sở làm việc là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại số 23 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh cho Trung tâm phát triển Quỹ đất theo Biên bản tiếp nhận mặt bằng ngày 20/01/2015 và chuyển trụ sở đến tòa nhà xổ số tại số 77 Trần Nhân Tôn, phường 9, quận 5, thành phố Hồ chí Minh.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT và Kiểm soát viên	2.770.018.400	2.938.990.000

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Hà Hoài Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Công

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Vinh

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.238.511.153	60.919.578.917	5.709.000.116	4.375.706.767	77.242.796.953
Số tăng trong năm	-	521.000.000	1.125.819.818	455.000.000	2.101.819.818
- Mua trong năm	-	521.000.000	1.125.819.818	455.000.000	2.101.819.818
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.238.511.153	61.440.578.917	6.834.819.934	4.830.706.767	79.344.616.771
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.783.258.984	35.375.935.278	3.447.329.871	3.029.818.382	46.636.342.515
Số tăng trong năm	56.791.277	3.832.949.845	534.394.584	768.438.952	5.192.574.658
- Khấu hao trong năm	56.791.277	3.832.949.845	534.394.584	768.438.952	5.192.574.658
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.840.050.261	39.208.885.123	3.981.724.455	3.798.257.334	51.828.917.173
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.455.252.169	25.543.643.639	2.261.670.245	1.345.888.385	30.606.454.438
Tại ngày cuối năm	1.398.460.892	22.231.693.794	2.853.095.479	1.032.449.433	27.515.699.598
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:					32.763.576.117

(i): Tài sản nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty đang theo dõi bao gồm Nhà làm việc và Hội trường tại số 23 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 6404/QĐ-UBND ngày 16/12/2005 và Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 03/04/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 6404/QĐ-UBND, UBND thành phố Hồ Chí Minh quyết định thu hồi các tài sản này và quyền sử dụng đất bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý và lập thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Tuy nhiên, do việc xây dựng trụ sở làm việc mới của Công ty chưa hoàn thành nên Công ty tiếp tục sử dụng tài sản nêu trên nhưng không tiếp tục trích khấu hao kể từ thời điểm Quyết định trên có hiệu lực. Công ty cũng đã thực hiện hạch toán giảm nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu, đồng thời ghi nhận tăng công nợ phải trả khác tương ứng với giá trị còn lại của các tài sản là 673.235.529 VND.

(i): Công ty đã bàn giao quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất cho Trung tâm phát triển Quỹ đất theo Biên bản tiếp nhận mặt bằng ngày 20/01/2015 và gửi Công văn số 153/XSKT ngày 02/03/2015 cho Chi cục tài chính doanh nghiệp TP Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn hạch toán việc bàn giao thực tế các tài sản trên.

Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	783.504.000.000	329.702.177.118	195.751.467.727	-	1.308.957.644.845
Lãi trong năm trước	-	-	-	483.612.222.674	483.612.222.674
Phân phối lợi nhuận	-	145.083.666.802	-	(157.771.057.427)	(12.687.390.625)
Kết chuyển nộp về Ngân sách	-	-	-	(325.841.165.247)	(325.841.165.247)
Sử dụng quỹ	-	-	(13.802.750)	-	(13.802.750)
Số dư cuối năm trước	783.504.000.000	474.785.843.920	195.737.664.977	-	1.454.027.508.897
Lãi trong năm nay	-	-	-	633.173.866.774	633.173.866.774
Tặng khác (i)	-	50.653.998.175	-	145.597.455.115	196.251.453.290
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	300.157.905	-	(12.852.859.905)	(12.552.702.000)
Kết chuyển nộp về Ngân sách (ii)	-	-	-	(765.918.461.984)	(765.918.461.984)
Giảm khác (i)	-	-	(195.737.664.977)	-	(195.737.664.977)
Số dư cuối năm nay	783.504.000.000	525.740.000.000	-	-	1.309.244.000.000

(i): Tặng khác, giảm khác do phân phối lại lợi nhuận năm 2013 theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số thay thế Thông tư số 112/2007/TT-BTC ngày 19/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty xổ số kiến thiết. Theo đó, chuyển số dư quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển số tiền 195.737.664.977 VND; giảm quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền lần lượt là 145.083.666.802 VND và 513.788.313 VND; kết chuyển nộp ngân sách Nhà nước lợi nhuận sau thuế phân phối lại năm 2013 số tiền 145.597.455.115 VND;

(ii): Phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014. Theo đó, trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 300.157.905 VND; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành số tiền 12.552.702.000 VND; kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2014 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 620.321.006.869 VND.



Phụ lục 03: Báo cáo phát hành và tiêu thụ vé năm 2014

BÁO CÁO PHÁT HÀNH VÀ TIÊU THỤ VÉ

Năm 2014

Loại vé	Tháng	Số vé phát hành	Số vé bán	Số vé ế	Ghi chú
Vé truyền thống mệnh giá 10.000 VND	01/2014	4.000.000	3.305.434	694.566	
	02/2014	4.000.000	3.419.502	580.498	
Tổng cộng vé 20.000 VND		8.000.000	6.724.936	1.275.064	
Vé truyền thống mệnh giá 10.000 VND	01/2014	44.000.000	39.015.685	4.984.315	
	02/2014	44.000.000	39.909.600	4.090.400	
	03/2014	60.000.000	54.223.581	5.776.419	
	04/2014	48.000.000	42.070.180	5.929.820	
	05/2014	54.000.000	45.856.274	8.143.726	
	06/2014	54.000.000	45.050.577	8.949.423	
	07/2014	48.000.000	41.039.622	6.960.378	
	08/2014	54.000.000	46.723.483	7.276.517	
	09/2014	54.000.000	46.050.169	7.949.831	
	10/2014	48.000.000	41.763.546	6.236.454	
	11/2014	54.000.000	47.371.983	6.628.017	
	12/2014	54.000.000	48.132.865	5.867.135	
Tổng cộng vé 10.000 VND		616.000.000	537.207.565	78.792.435	
Tổng Cộng		624.000.000	543.932.501	80.067.499	



TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

mm

[Signature]



Chung Thị Mỹ

Nguyễn Văn Công

[Signature]
Đỗ Quang Vinh